

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2022/DS-ST
Ngày: 19/4/2022
V/v: “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Khanh;
2. Bà Trần Thị Thiếu Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương là Thư ký Tòa án nhân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B Tân tham gia phiên tòa: ông Trương Hoài Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 505/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT;

Địa chỉ: số 266-268 đường NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Trường T, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: bà Ông Tinh B, sinh năm 1976; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 31 Đường số 5A, khu phố 7, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Thịnh trình bày:*

Ngày 16/01/2011, bà Ông Tinh B và Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT (sau đây gọi là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.945.140 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.940.000 đồng, số tiền này được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng có nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 26/8/2013, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 10.743.452 đồng là nợ gốc sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Bà Ông Tinh B trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP SGTT chỉ yêu cầu cá nhân bà Ông Tinh B có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, không yêu cầu chồng bà B (nếu có) liên đới trả nợ. Khi ký Hợp đồng với Ngân hàng thì bị đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn tại số 31 Đường số 5A, khu phố 7, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố HCM. Tính đến nay, bà B không có bất kỳ thông báo nào cho Ngân hàng biết địa chỉ nào khác của bà B.

Tính đến ngày 17/3/2021, bà B còn nợ Ngân hàng các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc: 10.743.452 đồng.
- Lãi quá hạn: 31.886.789 đồng.

Tổng cộng: 42.630.241 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 10.743.452 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng (2.15%/tháng x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Tại Tòa, Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Ông Tinh B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT tổng số tiền (gồm cả gốc và lãi) tạm tính đến ngày 17/3/2021 gồm nợ gốc: 10.743.452 đồng, lãi quá hạn: 31.886.789 đồng. Tổng cộng: 42.630.241 đồng. Bà Ông Tinh B có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 18/3/2021 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

* *Bị đơn là bà Ông Tinh B*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản ghi nhận ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn bà Ông Tinh B vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ vào bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán số dư nợ còn thiếu là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn; bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 16/01/2011 thì bà Ông Tinh B cung cấp địa chỉ tại số 31 Đường số 5A, khu phố 7, phường B Trị Đông B, quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Công an nhân dân phường BTĐ B, quận BT, Thành phố HCM thì “bà Ông Tinh B, sinh năm 1976 không thực tế cư trú tại nhà địa chỉ 31 Đường số 5A, khu phố 7, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố HCM, bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2010 cho đến nay đi đâu không rõ”. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: Bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ ghi trong Hợp đồng nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho người khởi kiện xem như bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ những quy định trên, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ bị đơn tại 31 Đường số 5A, khu phố 7, phường B Trị Đông B, quận B Tân, Thành phố Hồ Chí Minh để Tòa án tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn bà Ông Tinh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Do đó,

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự thì hai bên có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bảng Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Việc ký kết hợp đồng này có nội dung, hình thức phù hợp đúng với quy định, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật;

Xét thấy, bà Ông Tinh B còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT theo thẻ tín dụng qua các lần giao dịch, lãi, phí phát sinh sau khi thanh toán từ ngày 25/02/2011 đến ngày 19/4/2022, bà B còn nợ là 47.226.743 đồng (nợ gốc là 10.743.452 đồng và lãi quá hạn là 36.483.291 đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ông Tinh B trả hết số nợ vốn và lãi tổng cộng theo hợp đồng của thẻ tín dụng trên là 47.226.743 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà B có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng.

Bị đơn bà Ông Tinh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập cũng như tổng đạt hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó bà B đã từ bỏ quyền phản đối của mình theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B Tân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, việc đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là đúng với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

- Bà Ông Tinh B chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau: 47.226.743 đồng x 5% = 2.361.337 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền 982.315 đồng (chín trăm tám mươi hai nghìn ba trăm mười lăm đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đã nộp theo biên lai thu số 0062489 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B Tân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đối với bà Ông Tinh B.

Buộc bà Ông Tinh B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT tổng số tiền vốn và lãi theo hợp đồng của thẻ tín dụng là 47.226.743 đồng (bốn mươi bảy triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 10.743.452 đồng (mười triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) và tiền nợ lãi là 36.483.291 đồng (ba mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn hai trăm chín mươi một đồng).

Bà Ông Tinh B còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2022 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký, bảng Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT cho đến khi bà B thanh toán hết nợ.

2. Về án phí:

- Bà Ông Tinh B chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.361.337 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi một nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT số tiền 982.315 đồng (chín trăm tám mươi hai nghìn ba trăm mười lăm đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần SGTT đã nộp theo biên lai thu số 0062489 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B Tân.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B Tân;
- Chi cục THA.DS Q.B Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hải